

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 706/2026/DS-PT
Ngày: 18 - 9 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 279/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 650/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: **ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau**; Căn cước công dân số 096182010126 cấp ngày 27/4/2022 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng L: Bà Nguyễn Cẩm N, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Khóm G, Phường T, tỉnh Cà Mau** (Theo giấy uỷ quyền ngày 04/9/2026, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: **ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau**; Căn cước công dân số 096153005166 cấp ngày 10/8/2021 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Hoa Tuấn A**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: **ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Bà quen biết bà Nguyễn Thị N1 khoảng năm 2018 – 2019, do gần nhà, qua lại thân thiết nên kêu mẹ xưng con. Vào ngày 20/9/2023 dương lịch bà N1 liên hệ vay tiền của bà, mục đích là lo cho cuộc sống gia đình, thấy quen biết nên bà đồng ý cho bà Nguyễn Thị N1 vay số tiền 600.000.000 đồng, có lập văn bản là Giấy vay tiền, khi đi thì bà N1 và con là Hoa Tuấn A có đi cùng đếm và nhận tiền, thỏa thuận mỗi tháng đóng lãi cho bà là 12.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 06 tháng nhưng từ đó đến nay bà N1 không đóng lãi và cũng không trả vốn cho bà. Những lần vay như bà N1 trình bày tại phiên hòa giải là đúng nhưng có nhiều lần khác bà N1 vay nhưng không ghi vào sổ. Lúc lập Giấy vay tiền thì bà và bà N1 đã chốt lại các khoản mà bà N1 còn thiếu. Bà N1 nói bà N1 không đọc Giấy vay tiền là không đúng. Do đó bà khởi kiện yêu cầu bà N1 trả số tiền vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 20/01/2026 là 28 tháng là 280.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 880.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà không có vay của bà L số tiền đến 600.000.000 đồng. Quá trình bà và bà L quen biết thì bà có hỏi vay của bà L những lần như sau: ngày 05/10/2021 âm lịch vay 45.000.000 đồng, ngày 16/11/2021 âm lịch vay thêm 20.000.000 đồng, ngày 11/12/2022 âm lịch vay thêm 10.000.000 đồng, 01 lần không nhớ ngày vay thêm 10.000.000 đồng, các khoản này thỏa thuận lãi 15 phân, tương ứng gốc 1.000.000 đồng thì lãi 150.000 đồng. Ngày 27/11/2022 âm lịch bà vay thêm 50.000.000 đồng thỏa thuận lãi 8 phân, tương ứng gốc 1.000.000 đồng thì lãi 80.000 đồng. Quá trình vay bà đóng lãi được 02 lần, ngày 28/10/2023 âm lịch trả 20.000.000 đồng, ngày 15/12/2022 âm lịch trả 10.000.000 đồng. Việc hỏi vay chỉ trao đổi qua điện thoại rồi bà L đem tiền qua cho bà, do bà đứng ra vay chứ không liên quan đến người khác. Giấy vay tiền bà L cung cấp do bà tự ký vào nhưng do bà L kêu ký giấy để làm thủ tục chuyển nhượng đất cho con bà là ông Hoa Tuấn A nên bà ký chứ bà không đọc nội dung. Phần tiền lãi bà đóng là đóng cho các khoản vay lãi 15 phân tổng tiền gốc là 85.000.000 đồng. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, bà L đã tham gia dây hụi loại 2.000.000 đồng và đã hót, hàng tháng bà đóng hụi chết cho bà L vào ngày 16 âm lịch tổng cộng được 32.450.000 đồng, trong đó lần sau cùng 950.000 đồng là bà L lấy tôm rồi bà tính tiền. Ngoài ra trong tờ giấy giao hụi có ghi còn lại 28.470.000 đồng thì bà L nói bà còn phải trả số tiền này cho bà L. Hiện nay bà xác định chỉ còn thiếu bà L 85.000.000 đồng nên đồng ý trả tiền gốc 85.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật, còn khoản vay 50.000.000 đồng bà đã đóng hụi hàng tháng nên không đồng ý trả.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoa Tuấn A đúng theo quy

định pháp luật nhưng đương sự không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 279/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Hồng L**. Buộc bà **Nguyễn Thị N1** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng L** 795.050.000 (bảy trăm chín lăm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/7/2026 bà **Nguyễn Thị N1** kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, bà chỉ nợ bà **Nguyễn Thị Hồng L** 85.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị N1**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **Nguyễn Thị N1** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà **Nguyễn Thị N1** cho rằng bà có nợ bà **Nguyễn Thị Hồng L** và bà thanh toán nhiều lần, chỉ còn nợ 85.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà **Nguyễn Thị N1**: Bà **Nguyễn Thị N1** xác nhận giữa bà và bà **Nguyễn Thị Hồng L** có việc cho vay tiền nhiều lần, và bà cũng đã thanh toán nhiều lần cho bà **Nguyễn Thị Hồng L**. Bà **Nguyễn Thị N1** cho rằng việc bà ký vào biên nhận nợ là bà không xem rõ nội dung, bà chỉ biết bà ký vào giấy tờ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà **Nguyễn Thị N1** trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong khi đó, giấy vay tiền thể hiện cụ thể nội dung bà vay của bà **Nguyễn Thị Hồng L** số tiền 600.000.000 đồng (BL 27), trong giấy vay tiền thể

hiện chi tiết thời gian, địa điểm, thời hạn vay, số tiền vay và lãi suất. Tại phiên toà, ông **Hoa Anh T** cũng xác nhận nội dung ông biết việc bà **Nguyễn Thị N1** thiếu tiền bà **Nguyễn Thị Hồng L**, còn số nợ và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông không biết.

Bà **Nguyễn Thị N1** kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà.

[3] Từ nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị N1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Nguyễn Thị N1** phải chịu án phí là 300.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị N1** thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn nên miễn án phí cho bà **Nguyễn Thị N1**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị N1**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 279/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Hồng L**. Buộc bà **Nguyễn Thị N1** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng L** 795.050.000 (bảy trăm chín lăm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Hồng L** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.600.000 (chín triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004363 ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bà **Nguyễn Thị N1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 35.802.000 (ba mươi

lăm triệu tám trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho bà **Nguyễn Thị N1**.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Minh Nguyệt Nguyễn A Đ

Hoàng Thị Hải H